

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: W06/ STF/ 2018

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 221 3 94 88 18

Fax: +84 221 3 94 88 18

Email: [customercare@santa.com.vn](mailto:customercare@santa.com.vn)

Website: [santa.com.vn](http://santa.com.vn)

Hotline: + 0246 6666 076

Mã số doanh nghiệp: 0107 467 527

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000478/ 2017/ ATTP- CNĐK- Ngày cấp: 26/5/2017- Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm

**II. Thông tin về sản phẩm**

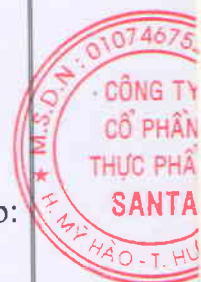
**1. Sản phẩm: MERRY – BÁNH QUÉ KEM VỊ LÁ DỨA**

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, shortening (dầu cọ), bột whey, bột biến tính, bột sữa, chất nhũ hóa (322(i)), muối, hương thực phẩm tổng hợp (dừa, lá dứa, vani), màu thực phẩm tổng hợp (160a(i), 133), màu thực phẩm tự nhiên (141(i)).

- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất), sử dụng trực tiếp, bảo quản sản phẩm ở nơi khô, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh và tránh ánh nắng trực tiếp.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Được đóng gói kín trong bao bì màng giấy cuộn OPP/MCPPP hoặc nhựa tổng hợp. Bao bì đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

Khối lượng tịnh: 90g/ khay, 270g/ hộp, 360g/ hộp, 450g/ hộp.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nhãn sản phẩm)**



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.

- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.

- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 06 năm 2018

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Ngô Hồng Thái*



|                                           |                                |                                                  |
|-------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|
| SỔ KẾ HOẠCH VÀ<br>ĐẦU TƯ TỈNH<br>HƯNG YÊN | NHÓM SẢN PHẨM                  | Số CB: W06/ STF/ 2018                            |
| CÔNG TY CỔ PHẦN<br>THỰC PHẨM<br>SANTA     | MERRY – BÁNH QUẾ KEM VỊ LÁ DỨA | Có hiệu lực từ<br>Ngày ... tháng ... năm<br>2018 |

## BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

### 1. Yêu cầu kỹ thuật

#### 1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- + Trạng thái: Bánh dạng hình ống, có kem bên trong, giòn, xốp.
- + Màu sắc: Vỏ màu trắng ngà tới nâu, chỉ màu xanh, bên trong là kem màu xanh nhạt.
- + Mùi: Thơm mùi thơm đặc trưng, không có mùi mốc, mùi lạ.
- + Vị: Ngọt, béo đặc trưng, không có vị lạ.
- + Tạp chất: Không có tạp chất.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo quyết định số 46/2007/QĐ – BYT của Bộ Trưởng Bộ Y Tế ngày 19/12/2007

| STT | TÊN CHỈ TIÊU                 | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA      |
|-----|------------------------------|-------------|-----------------|
| 1   | Tổng số vi khuẩn hiếu khí    | CFU/g       | $10^4$          |
| 2   | E.Coli                       | MPN/g       | 3               |
| 3   | Coliforms                    | CFU/g       | 10              |
| 4   | Staphylococcus aureus        | CFU/g       | 10              |
| 5   | Bacillus cereus              | CFU/g       | 10              |
| 6   | Clostridium perfringens      | CFU/g       | 10              |
| 7   | Tổng số TB nấm men – nấm mốc | CFU/g       | $10^2$          |
| 8   | Samonella                    | CFU/25g     | Không phát hiện |

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT.

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1   | Pb           | mg/kg       | 0,2        |
| 2   | Cd           | mg/kg       | 0,1        |

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1: 2011/BYT



| STT | TÊN CHỈ TIÊU                           | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|----------------------------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng Aflatoxin B1                 | µg/kg       | 2          |
| 2   | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2) | µg/kg       | 4          |
| 3   | Hàm lượng Ochratoxin A                 | µg/kg       | 3          |
| 4   | Hàm lượng Zearalenone                  | µg/kg       | 50         |
| 5   | Hàm lượng Deoxynivalenol (DON)         | µg/kg       | 500        |

Hưng Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGÔ HỒNG THÁI**





# MERRY – BÁNH QUẾ KEM VỊ LÁ DỪA – 90G





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code  
BN18032045  
MM18036665

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03  
Ngày/Date : 06/04/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA  
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN  
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUẾ KEM VỊ LÁ DỨA  
Số lượng/ Quantity : 1  
Tình trạng mẫu/ Sample description : Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/03/2018  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/04/2018

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                                                                                                                                                          | Phương pháp/<br>Test method                                        |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1          | Aflatoxin                           | µg/kg                | Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL= 0,1<br>Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL= 0,1<br>Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL= 0,1<br>Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL= 0,1 | CASE.SK.0018<br>(AOAC 990.33) (*)                                  |
| 2          | Aflatoxin B <sub>1</sub>            | µg/kg                | Không phát hiện, MDL= 0,1                                                                                                                                                | CASE.SK.0018<br>(AOAC 990.33) (*)                                  |
| 3          | Deoxynivalenon (DON)                | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 200                                                                                                                                             | CASE.SK.0070<br>(LC/MS/MS-REF-Agilent. Application Note 00394) (*) |
| 4          | Ochratoxin A                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL= 0,1                                                                                                                                              | CASE.SK.0069 -<br>HPLC (Ref. AOAc 1990,p 405; NF EN ISO 15141-1)   |

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Aflatoxin B<sub>1</sub>  
Ngày: 28-06-2018  
Số chứng thực: 6.1.4.5... Quyển số: 8.2... SCT/BS



1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.  
2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE  
3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Tiên Vinh

TRỤ SỞ CHÍNH  
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
(☎) 18001105  
(☎) (84.28) 3911 7216  
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
(☎) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
(☎) (84.292) 3918 219  
(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
(☎) (84.258) 3811 808  
(☎) (84.258) 3811 809  
(✉) vanphongmienntrung@case.vn



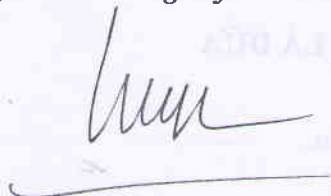
| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result            | Phương pháp/<br>Test method                                            |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 5          | Zearalenone                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 5 | CASE.SK.0070 -<br>LC/MS/MS - Ref.<br>Agilent Application<br>Note 00394 |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory**



**Trần Đình Hiệp**

**GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**



**TS. Chu Văn Hải**

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thử Nghiệm TPHCM

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRU SỞ CHÍNH

102 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84 28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267- F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84 292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84 292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84 258) 3811 808

☎ (84 258) 3811 809

✉ vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : SANTA FOOD JOINT STOCK COMPANY  
 Địa chỉ/ Address : MINH DUC INDUSTRIAL PARK - MINH DUC WARD - MY HAO DISTRICT - HUNG YEN PROVINCE - VIETNAM  
 Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - PANDAN CREAM WAFER  
 Số lượng/ Quantity : 1  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Cake, packed in tight nylon bag.  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : Mar 28, 2018  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : Apr 05, 2018

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result              | Phương pháp/<br>Test method                             |
|------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1          | Ca                                  | mg/100g              | 90 (%DV=9)                   | CASE.TN.0017<br>(Ref. AOAC 985.35)                      |
| 2          | Fe                                  | mg/100g              | 0,39 (%DV=2)                 | CASE.TN.0017<br>(Ref. AOAC 985.35)                      |
| 3          | Sodium                              | mg/100g              | 147 (%DV=6)                  | CASE.TN.0017<br>(Ref. AOAC 985.35)                      |
| 4          | Calories                            | kcal/100g            | 481                          | CASE.NS.0079 (Ref.<br>Food and Drugs<br>Administration) |
| 5          | Dietary Fiber                       | g/100g               | 1.22 (%DV = 4.88)            | CASE.NS.0030 (Ref.<br>AOAC 991.43) (*)                  |
| 6          | Protein                             | g/100g               | 6.29 (Total nitrogen x 6.25) | CASE.NS.0039 (Ref.<br>AOAC 992.23) (*)                  |
| 7          | Sugar                               | g/100g               | 40.5                         | CASE.NS.0066<br>(TCVN 4594:1988)                        |
| 8          | Total carbohydrate                  | g/100g               | 71.1 (%DV = 23.7)            | CASE.NS.0079 (Ref.<br>Food and Drugs<br>Administration) |

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Ngày: 28-05-2018  
 Số chứng thực: 6145 Quyền số: SCT/BS



1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP.HCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Nguyễn Tiến Vinh**

TRỤ SỞ CHÍNH  
 (☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM  
 (☎) 18001105  
 (☎) (84.28) 3911 7216  
 (✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 (☎) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 (☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 (☎) (84.292) 3918 219  
 (✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 (☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 (☎) (84.258) 3811 808  
 (☎) (84.258) 3811 809  
 (✉) vanphongmienntrung@case.vn



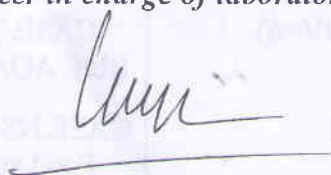
| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                        | Phương pháp/<br>Test method                         |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 9          | Total fat                           | g/100g               | 19 (%DV = 29.3)                        | CASE.NS. 0031<br>(Ref. FAO 14/7<br>p.214, 1986) (*) |
| 10         | Cholesterol                         | mg/100g              | 6.60 (% DV= 2.20)                      | CASE.SK.0012(GC-<br>FID-AOAC<br>994.10.2002)(*)     |
| 11         | Saturated fat                       | g/100g               | 9.07 (% DV= 45.35)                     | CASE.SK.0107<br>(AOAC 996.06) (*)                   |
| 12         | Vitamin A                           | IU/100g              | Not detected<br>MDL= 100<br>(%DV = 0)  | CASE.SK.0108<br>(131ku010 -<br>HPLC)(*)             |
| 13         | Vitamin C                           | mg/100g              | Not detected<br>MDL= 0.01<br>(%DV = 0) | CASE.SK.0108<br>(131ku010 -<br>HPLC)(*)             |
| 14         | Trans fat                           | g/100g               | 0.07                                   | CASE.NC.0009                                        |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory



Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



Ph.D Chu Văn Hải

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

9/02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

9/ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

9/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA  
 Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẢO - TỈNH HUNG YÊN  
 Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUẾ KEM VỊ LÁ DỨA  
 Số lượng/ Quantity : 1  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/03/2018  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/04/2018

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/<br>Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------|
| 1          | Bacillus cereus                     | CFU/g                | < 10            | ISO 7932:2004 (*)           |
| 2          | Clostridium perfringens             | CFU/g                | < 10            | ISO 7937:2004 (*)           |
| 3          | Coliforms                           | CFU/g                | < 10            | ISO 4832:2006 (*)           |
| 4          | E.coli                              | /g                   | Không phát hiện | ISO 16649-3:2015 (*)        |
| 5          | Staphylococcus aureus               | /g                   | Không phát hiện | ISO 6888-3:2003 (*)         |
| 6          | Tổng số nấm men, nấm mốc            | CFU/g                | < 10            | ISO 21527-2:2008 (*)        |
| 7          | Tổng số vi khuẩn hiếu khí<br>(TPC)  | CFU/g                | < 10            | ISO 4833-1:2013 (*)         |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.  
 According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

6145 - 02  
Quyển số: SCT/BS



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng. Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Tiến Vinh

TRỤ SỞ CHÍNH

(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CÁN THỢ

(☎) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918 219

(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 3811 808

(☎) (84.258) 3811 809

(✉) vanphongmien trung@case.vn





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

|                                                    |                                          |                                              |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br>TEST REPORT | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA  
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẢO - TỈNH HUNG YÊN  
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUÊ KEM VỊ LÁ DỨA  
Số lượng/ Quantity : 1  
Tình trạng mẫu/ Sample description : Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/03/2018  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/04/2018

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 28 -06- 2018

Số chứng thực: 6145 Quyển số: 02 SCT/BS



1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.  
2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.  
3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Tiến Vinh

TRỤ SỞ CHÍNH  
[+] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM  
[+] 18001105  
[+] (84.28) 3911 7216  
[+] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
[+] F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
[+] (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
[+] (84.292) 3918 219  
[+] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
[+] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh H  
[+] (84.258) 3811 808  
[+] (84.258) 3811 809  
[+] vanphongmientrung@case.vn





## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: MM18036665

## Nutrition Facts

Serving Size 100g  
Servings Per Container

## Amount Per Serving

Calories 481      Calories from Fat /

## % Daily Value \*

**Total Fat:** 19 g 29,3 %  
Saturated Fat : 9,07 g 45,35%  
Trans Fat : 0,07 g

**Cholesterol:** 6,60 mg 2,20 %

**Sodium:** 147 mg 6 %

**Total Carbohydrate:** 71,1 g 23,7 %

Dietary Fiber : 1,22 g 4,88 %

Sugars : 40,5 g

**Protein:** 6,29 g

Vitamin A : 0 IU 0 %

Vitamin C : 0 mg 0 %

Calcium : 90 mg 9 %

Iron : 0,39 mg 2 %

\* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

|                    | Calories  | 2,000  | 2,500  |
|--------------------|-----------|--------|--------|
| Total Fat          | Less than | 65g    | 80g    |
| Sat Fat            | Less than | 20g    | 25g    |
| Cholesterol        | Less than | 300mg  | 300mg  |
| Sodium             | Less than | 2400mg | 2400mg |
| Total Carbohydrate |           | 300g   | 375g   |
| Fiber              |           | 25g    | 30g    |

Calories per gram:

Fat 9      Carbohydrates 4      Protein 4

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS. 0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (\*)

CASE.SK.0107 (AOAC 996.06) (\*)

CASE.NC.0009

CASE.SK.0012(GC-FID-AOAC 994.10.2002)(\*)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (\*)

CASE.NS.0066 (TCVN 4594:1988)

CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.23) (\*)

CASE.SK.0108 (131ku010 - HPLC)(\*)

CASE.SK.0108 (131ku010 - HPLC)(\*)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

ĐT 18001105

(84 28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84 292) 3918 216 - 217 - 218

(84 292) 3918 219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84 258) 3811 808

(84 258) 3811 809

vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH  
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

|                                                    |                                          |                                              |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br>TEST REPORT | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA  
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN  
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUÊ KEM VỊ LÁ DỨA  
Số lượng/ Quantity : 1  
Tình trạng mẫu/ Sample description : Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/03/2018  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/04/2018

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/<br>Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------------|
| 1          | Định danh màu                       |                      | Brilliant Blue  | CASE.NC.0040                |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS  
(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày: 28-06-2018  
Trần Đình Hiệp  
Số chứng thực: 6145-02-02  
Quyển số: SCT/BS

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.  
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.  
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Tiến Vĩnh

TRỤ SỞ CHÍNH  
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
(☎) 18001105  
(☎) (84.28) 3911 7216  
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
(☎) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
(☎) (84.292) 3918 219  
(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
(☎) (84.258) 3811 808  
(☎) (84.258) 3811 809  
(✉) vanphongmienntrung@case.vn



VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
(☎) (84.258) 3811 808  
(☎) (84.258) 3811 809  
(✉) [vanphonamientrung@case.vn](mailto:vanphonamientrung@case.vn)





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH  
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO  
COPY

MM18036665

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA  
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN  
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUÊ KEM VỊ LÁ DỨA  
Số lượng/ Quantity : 1  
Tình trạng mẫu/ Sample description : Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/03/2018  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/04/2018

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                | Phương pháp/<br>Test method                   |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1          | Tro không tan / HCl 10%             | %                    | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01 | Ref. TCVN 5484-2002                           |
| 2          | Chỉ số acid                         | mg KOH/g<br>chất béo | 1,25                           | TCVN 6127:2010<br>(ISO 660:2009) (*)          |
| 3          | Chỉ số peroxide                     | meq/kg chất<br>béo   | 0,981                          | TCVN 6121:2010<br>(ISO 3960:2007) (*)         |
| 4          | Độ ẩm                               | %                    | 2,17                           | CASE.NS.0007<br>(FAO 14/7 p.205,<br>1986) (*) |
| 5          | Melamine                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,1   | CASE.SK.0023<br>(GC/MS/MS)                    |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

Số chứng thực: 6145 Quyền số: 02 SCT/BS

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.  
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TPHCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE  
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

Nguyễn Liên Vinh

TRỤ SỞ CHÍNH

(\*) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
(\*) 18001105  
(\*) (84.28) 3911 7216  
(\*) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(\*) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
(\*) (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
(\*) (84.292) 3918 219  
(\*) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(\*) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
(\*) (84.258) 3811 808  
(\*) (84.258) 3811 809  
(\*) vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

**BẢN SAO  
COPY**

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN18032045<br>MM18036665 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 06/04/2018 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**  
 Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN**  
 Tên mẫu/ Name of sample : **MERRY - BÁNH QUÊ KEM VỊ LÁ DỨA**  
 Số lượng/ Quantity : **1**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Bánh, đựng trong bao nylon hàn kín.**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **28/03/2018**  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **05/04/2018**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                | Phương pháp/<br>Test method              |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------------------|
| 1          | Cd                                  | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01 | CASE.TN.0018<br>(Ref. AOAC<br>999.11)(*) |
| 2          | Pb                                  | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,1  | CASE.TN.0018<br>(Ref. AOAC<br>999.11)(*) |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

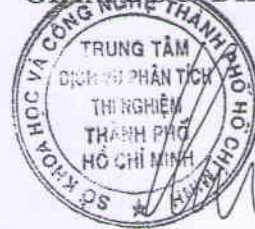
Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

Ngày: 28/03/2018

Số chứng thực: 6.1.4.5. Quyền số: 2 - SCT/BS

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
**Nguyễn Tiến Vinh**

TRỤ SỞ CHÍNH

(\*) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(\*) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918 216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918 219

(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(\*) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 3811 808

(☎) (84.258) 3811 809

(✉) vanphongmienTrung@case.vn